

Bản án số: **305/2023/HNGĐ-ST**
Ngày 14 tháng 7 năm 2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BTL, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Sơn và bà Nguyễn Thị Anh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung – Thư ký Tòa án nhân dân Quận BTL, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận BTL tham gia phiên tòa: Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận BTL, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 397/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2023/QĐXXST ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh TTB, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 4 4B Khu 5 phường HP, TP. HL, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị LHL, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ dân phố Hoàng 10, phường CN 1, quận BTL, TP. Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh TTB trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Anh và chị LHL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND phường HP, TP. HL, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách lối sống có nhiều điểm khác biệt, hai bên không có điểm chung. Từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi cọ, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Đến năm 2017, anh và chị L đã sống ly thân cho đến nay, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị LHL.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung: TTT, sinh ngày 26/5/2015 và cháu TBN, sinh ngày 26/12/2016. Ly hôn anh đề nghị trực tiếp nuôi cháu T, chị L trực tiếp nuôi cháu Ngọc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại Bản tự khai, ý kiến tại Biên bản hòa giải, Bị đơn chị LHL trình bày:

Về tình cảm vợ chồng: Chị và anh TTB kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND phường HP, TP. HL, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng do anh B thường xuyên đánh chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Sau khi ly thân, anh B còn có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ khác trong thời gian vợ chồng sống ly thân suốt 03 năm qua. Về người phụ nữ chị xác định có quan hệ tình cảm với anh B trong thời gian ly thân tên là “Đào” còn sinh năm, địa chỉ, thông tin liên lạc như thế nào thì chị không biết. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Ngày 17/10/2022 anh chị có nộp đơn thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, sau khi nộp đơn thuận tình ly hôn, anh B có những lời lẽ, hành vi không đúng đắn nên nay chị không đồng ý ly hôn nữa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: TTT, sinh ngày 26/5/2015 và cháu TBN, sinh ngày 26/12/2016. Ly hôn chị đề nghị sẽ trực tiếp nuôi cháu Ngọc, anh B trực tiếp nuôi cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị LHL. Về con chung anh giữ nguyên ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh trực tiếp nuôi cháu T, chị L trực tiếp nuôi cháu Ngọc. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

- Chị LHL có Đơn xin xét xử vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận BTL phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ thụ lý, lấy lời khai, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Thấy rằng cuộc sống chung giữa anh B và chị L có xảy ra mâu thuẫn, đã thực sự trầm trọng và kéo dài. Mục đích hôn nhân giữa các đương sự không đạt được. Anh chị đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh TTB và chị LHL.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là: TTT, sinh ngày 26/5/2015 và cháu TBN, sinh ngày 26/12/2016. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của anh B, chị L: Giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu

Ngọc cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng do anh chị không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xét.

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Nguyên đơn và Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ngày 17/10/2022, anh TTB và chị LHL nộp Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Chị LHL cư trú tại Số 213 Trần Cung, Tổ dân phố Hoàng 10, phường CN 1, quận BTL, TP. Hà Nội nên việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận BTL căn cứ vào Điều 29, khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết Đơn yêu cầu, tại phiên hòa giải ngày 24/02/2023, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ không thành nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc thuận tình ly hôn. Căn cứ khoản 5 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận BTL đình chỉ giải quyết việc dân sự về công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và thụ lý vụ án ly hôn giữa nguyên đơn anh TTB và Bị đơn chị LHL.

Về sự vắng mặt của Bị đơn tại phiên tòa: Bị đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị LHL là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh TTB đối với chị LHL, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về tình cảm:* Anh TTB và chị LHL kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 31/12/2014 tại UBND phường HP, TP. HL, tỉnh Quảng Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống, cả anh B và chị L đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh B xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, tính cách lối sống có nhiều điểm khác biệt, hai bên không có điểm chung. Chị L xác định: Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng do anh B thường xuyên đánh chị dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Mặc dù hai bên trình bày nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng khác nhau, nhưng cả anh B và chị L đều thừa nhận vợ chồng đã có mâu thuẫn kéo dài nhiều năm, dẫn đến cả hai đã sống ly thân nhiều năm. Mặt khác, tại Biên bản xác minh ngày 23/6/2023 tại Tổ dân phố Hoàng 10, phường CN 1 đã xác định giữa anh B và chị L có mâu thuẫn nhiều năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm, hay cãi vã đánh nhau. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhiều năm.

Hội đồng xét xử xét, lời khai của Nguyên đơn, Bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, đều thể hiện: Giữa anh B và chị L có mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài nhiều năm, anh chị đã ly thân thời gian dài, mỗi người ở một nơi có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa. Về bản chất, giữa anh B và chị L đã có sự thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, trong quá trình nộp Đơn, chị L cho rằng anh B có thái độ không đúng, ứng xử không tốt nên chị không đồng ý thuận tình ly hôn nữa, mặc dù chính chị L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự trong vụ án đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của anh TTB đối với chị LHL là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Anh chị có hai con chung là: TTT, sinh ngày 26/5/2015 và cháu TBN, sinh ngày 26/12/2016. Anh B, chị L đã thống nhất thỏa thuận: Nếu ly hôn để chị L trực tiếp nuôi cháu Ngọc, anh B trực tiếp nuôi cháu T. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tài sản chung: Không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: Không có.

[3]. Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn yêu cầu Ly hôn của anh TTB đối với chị LHL.

[1.1]. Về nhân thân: Anh TTB được ly hôn chị LHL.

[1.2]. Về con chung: Anh TTB, chị LHL có hai con chung là: TTT (Nam), sinh ngày 26/5/2015 và TBN (Nữ), sinh ngày 26/12/2016.

Giao con chung TTT cho anh TTB trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung TBN cho chị LHL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác của các đương sự.

Anh TTB, chị LHL không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung của các đương sự.

[1.3]. Về tài sản chung: Không có.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí:

[2.1]. Anh TTB phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án anh đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0043411 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận BTL, thành phố Hà Nội. Anh B đã nộp đủ án phí.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Q.BTL;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Chi cục THA DS Q.BTL;
- Lưu HS, VP

Đặng Thế Vinh